TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/11/2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Phạm Mỹ Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Đức.

Ông Lê Việt Long.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng:* Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 232/2025/HNGĐ-TLST ngày 15 tháng 10 năm 2025, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 23/2025/QĐ-ST ngày 20 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh ngày 07/12/2001. Địa chỉ: thôn K, xã C, thành phố Hải Phòng. Số Căn cước công dân: 0303010102xx do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/06/2021.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 10/03/2001. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn K, xã C, thành phố Hải Phòng. Số Căn cước công dân: 0302010052xx do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/02/2023. Số hộ chiếu: P015910xx, do Cục Q cấp ngày 28/02/2023. Hiện nay đang lao động tại Nhật Bản.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị L, sinh ngày 10/11/1977; Địa chỉ: Thôn K, xã C, thành phố Hải Phòng.

(Chị H, anh D, bà L đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Đặng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc D quen biết, phát sinh tình cảm và có với nhau 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đăng C, sinh ngày 22/05/2019. Ngày 24/5/2022, chị và anh D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống cùng với gia đình anh D tại thôn K, xã C. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung trong định hướng cuộc sống và tương lai, dần dần vợ chồng ít quan tâm đến nhau. Tháng 9/2023, anh D làm thủ tục đi lao động tại Nhật Bản, vợ chồng mỗi người sống một nơi, do có mâu thuẫn từ trước nên mỗi lần anh D gọi điện về, vợ chồng lại xảy ra tranh cãi, không cùng quan điểm. Dần dần anh D có gọi điện về cũng chỉ hỏi thăm về con chung, vợ chồng ít khi trò chuyện cùng nhau. Hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng vợ chồng anh chị vẫn không hàn gắn được tình cảm. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, có tiếp tục chung sống thì vợ chồng cũng không hạnh phúc nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc D để các bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Ngọc D có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đăng C, sinh ngày 22/05/2019. Chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D tại Nhật Bản vì anh D không cho biết địa chỉ cụ thể.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị L (là mẹ đẻ của anh D) trình bày: Anh D1 và Chị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng) vào năm 2022. Vợ chồng sinh sống tại địa phương, sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay xảy ra cãi vã. Cuối năm 2023, anh D1 làm thủ tục đi lao động tại Nhật Bản, anh, chị thỉnh thoảng có liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng do có mâu thuẫn từ trước nên vợ chồng anh D1 chị H thường xảy ra cãi nhau nên vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau; gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng vợ chồng không thể hòa hợp. Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, bà đã thông báo qua điện thoại cho anh D1 biết về việc chị H làm đơn xin ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, đồng thời bà cũng yêu cầu anh D2 cung cấp địa chỉ nhưng anh D1 không cung cấp cho gia đình biết địa chỉ cụ thể, cũng không về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn được và không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tuy nhiên, qua điện thoại anh D1 cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, vợ chồng thường xuyên sống xa nhau nên tình cảm không còn,

nay chị H xin ly hôn, anh nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, đồng thời anh D1 đồng ý việc chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Tại Công văn số 3411/XNC-Đ1 ngày 28/10/2025, Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố H xác định anh Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 10/03/2001, có thông tin xuất cảnh ngày 18/9/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, Điều 40 BLTTDS 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh D. Về con chung: Giao cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Đăng C, sinh ngày 22/05/2019 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị H và anh Nguyễn Ngọc D đều có địa chỉ thường trú tại xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng). Hiện nay chị H đang làm ăn sinh sống tại địa phương, anh D đang lao động tại Nhật Bản, nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với người thân ở trong nước tại nơi thường trú. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, mục 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ của anh D tại Nhật Bản. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án đã yêu cầu gia đình

anh D cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được mà chỉ thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh D biết thông qua liên lạc bằng điện thoại. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục đương sự cố tình giấu địa chỉ. Tại phiên tòa lần hai, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H và anh Nguyễn Ngọc D tự nguyện kết hôn và đã được UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/05/2022 nên hôn nhân giữa chị H và anh D là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị H yêu cầu ly hôn với anh D. Xét yêu cầu của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời khai của chị H, lời khai của bà L (là mẹ đẻ anh D) cho thấy cuộc sống chung vợ chồng giữa chị H và anh D có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có định hướng chung về cuộc sống tương lai, vợ chồng không còn chung sống, quan tâm nhau. Qua xác minh từ phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố H thể hiện anh D đi nước ngoài từ năm 2023. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh D đã được gia đình thông báo về việc chị H xin ly hôn với anh D. Tuy anh D không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của chị H nhưng trên cơ sở thông tin từ mẹ ruột của anh D cung cấp, anh D xác nhận hôn nhân giữa anh và chị H đã có mâu thuẫn, anh không mong muốn đoàn tụ gia đình và đồng ý ly hôn với chị H. Qua đó cho thấy, hôn nhân giữa chị H và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, cả anh D và chị H đều không mong muốn đoàn tụ để tiếp tục xây dựng cuộc sống gia đình, mục đích của hôn nhân giữa anh D và chị H không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh D.

[4] Về con chung: Chị Đặng Thị H và anh Nguyễn Ngọc D có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đăng C, sinh ngày 22/05/2019, hiện đang sống cùng chị H. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay cháu C sống cùng chị H, cháu C cũng có nguyện vọng ở với chị H. Chị H có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Anh Dũng đang lao động ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con được, bên cạnh đó, qua người thân, anh D cũng có quan điểm là đồng ý việc chị H tiếp tục nuôi con chung sau khi anh, chị ly hôn. Do đó, để đảm bảo việc được chăm sóc và điều kiện phát triển toàn diện của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy

định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh D không có văn bản yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 40, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 273; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị H. Xử cho chị Đặng Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc D.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Ngọc Đăng C, sinh ngày 22/05/2019 đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đặng Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Ngọc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0003876 ngày 15 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh Nguyễn Ngọc D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự Tp. Hải Phòng. (Phòng THADS khu vực 11-Hải Phòng)
- UBND xã Chí Minh, TP Hải Phòng.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VP;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mỹ Như